

QUALITY ASSESSMENT OF THE TEACHING INNOVATION OF PHYSICAL EDUCATION PROGRAM FOR NON-SPECIALIZED STUDENTS AT TNU - UNIVERSITY OF EDUCATION

Nguyen Nhac*, Tu Quang Trung
TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	15/6/2021	On the basis of improving the quality of innovation in the physical education program for non-specialized students at the University of Pedagogy - Thai Nguyen University, we assess the quality of curriculum innovation using the method survey, interview and assess physical fitness for students of two courses K50 and K55 of the Faculty of Biology, History, Geography, Mathematics, Physics, Chemistry and Literature. From there, propose measures to improve the quality of physical education teaching to bring the best effect to teachers and students. The results of the assessment of the quality of innovation in the curricula of physical education modules for non-specialized students at the University of Education - Thai Nguyen University can be seen as the renewal of the curriculum of the physical education modules. Physical education for non-specialized students at Pedagogical University - Thai Nguyen University is necessary and important to be conducted regularly after each school year in order to bring about effective education quality. In the course of research, we have proposed 7 measures to improve the quality of teaching and learning.
Revised:	27/8/2021	
Published:	30/8/2021	
KEYWORDS		
Teaching quality		
Education program		
Educational Innovation		
Physical education		
TNU - University of Education		

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Nhac*, Từ Quang Trung
Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	15/6/2021	Trên cơ sở nâng cao chất lượng đổi mới trong chương trình giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, chúng tôi tiến hành đánh giá chất lượng đổi mới chương trình giảng dạy bằng phương pháp điều tra, phỏng vấn đồng thời đánh giá thể lực cho sinh viên hai khóa K50 và K55 của các Khoa Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Toán, Vật lý, Hóa học và Ngữ văn. Từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy giáo dục thể chất để mang lại hiệu quả tốt nhất cho giáo viên và học sinh. Kết quả đánh giá chất lượng đổi mới chương trình giảng dạy các học phần giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên tại trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên cho thấy việc đổi mới chương trình giảng dạy các học phần giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên là cần thiết và quan trọng và cần được tiến hành thường xuyên sau mỗi một năm học nhằm mang lại hiệu quả cho chất lượng giáo dục. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi đề xuất 7 biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.
Ngày hoàn thiện:	27/8/2021	
Ngày đăng:	30/8/2021	
TỪ KHÓA		
Chất lượng giảng dạy		
Chương trình giáo dục		
Đổi mới giáo dục		
Giáo dục thể chất		
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4663>

* Corresponding author. Email: nhacn@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Theo Quyết định số 14/2001/QĐBGD&ĐT ban hành ngày 03/05/2001 thì giáo dục thể chất (GDTC) là nội dung bắt buộc trong trường trình giáo dục. Đồng thời quyết định số 53/2008/QĐBGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra chỉ tiêu điều tra thể lực của người Việt Nam nhằm đánh giá thể lực của người Việt Nam nói chung và sinh viên (SV) Việt Nam nói riêng. Nhiều nghiên cứu đánh giá thể lực của SV Việt Nam được quan tâm và nghiên cứu trong những năm gần đây [1]-[6]. Để nâng cao được thể lực của SV và đáp ứng tiêu chuẩn giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra thì việc đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy GDTC cho SV là nhu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, chất lượng thể chất của SV Việt Nam vẫn còn thấp so với trình độ phát triển của các nước trên thế giới. Ngoài ra các hoạt động GDTC và thể thao trường học còn gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân như sân bãi, dụng cụ,...; đó cũng là những hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng GDTC. Vì thế việc nghiên cứu chất lượng đổi mới chương trình giảng dạy các học phần GDTC sẽ đánh giá được kết quả đổi mới chương trình và tìm ra những ưu, nhược điểm để khắc phục nhằm hoàn thiện chương trình GDTC trong trường Đại học. Đã có một số nghiên cứu đánh giá và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC tại trường Đại học [7]-[9]. Đối với trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên (ĐHSP - ĐHTN) cũng có nhiều nghiên cứu đến GDTC của SV bao gồm các nội dung như: đánh giá thực trạng thể chất của SV [10], [11] hay đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC [12], [13]. Tuy nhiên, việc nghiên cứu đánh giá chất lượng đổi mới chương trình giảng dạy thì chưa được nghiên cứu. Đây cũng là vấn đề cần được quan tâm nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho SV các trường đại học. Dựa trên việc nghiên cứu thực trạng giảng dạy các học phần GDTC và cách thức đổi mới chương trình giáo dục tại ĐHTN-ĐHTN, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đánh giá chất lượng của việc đổi mới chương trình giáo dục giữa SV K55 so với chương trình GDTC của SV K50 khối không chuyên; từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC tại Trường ĐHTN-ĐHTN.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng

Chương trình GDTC của sinh viên K50 và K55 trường ĐHTN-ĐHTN.

Cán bộ, giảng viên (GV) Khoa Thể dục Thể thao (TDTT) trường ĐHTN - ĐHTN.

SV K50 và K55 (bao gồm các Khoa: Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Toán, Vật lý, Hóa học và Ngữ văn) trường ĐHTN - ĐHTN.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là: Phương pháp điều tra, phỏng vấn cán bộ; Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp kiểm tra sự phạm và Phương pháp toán thống kê.

Phương pháp đánh giá trình độ thể lực cho SV K50 và K55 Khoa TDTT thông qua hệ thống các bài kiểm tra theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2.2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Kết quả nghiên cứu các đối tượng được tính bằng giá trị trung bình của các chỉ số.

Phương pháp phân tích, tổng hợp số liệu và thống kê số liệu theo phần mềm Minitab 18.1.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng giảng dạy các học phần GDTC tại Trường ĐHTN-ĐHTN

3.1.1. Nội dung, chương trình giảng dạy

Theo quy định số 2653/QĐBGD&ĐT ngày 25/07/2014 thì việc thực hiện các nội dung chương trình GDTC chính khóa phải tùy theo điều kiện của từng trường nhưng đảm bảo đủ số tiết theo

quy định. Ban Giám hiệu Nhà trường luôn có sự quan tâm đến các học phần GDTC và đã có ý kiến chỉ đạo cho bộ môn xây dựng chương trình giảng dạy sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường dựa trên chương trình quy định của Bộ GD&ĐT. Chương trình và nội dung giảng dạy GDTC của SV Khóa K55 và K50 khối không chuyên Trường ĐHSP-ĐHTN được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Chương trình giảng dạy GDTC tại Trường ĐHSP-ĐHTN (Tiết)

TT	Nội dung giảng dạy theo tín chỉ	K50			K55		
		1	2	3	1	2	3
1	Lý thuyết chung	6	4	2	4	2	2
2	Lý thuyết chuyên môn	2	2	2	2	2	2
3	Tự học				16	8	8
Thực hành							
4	Thế dục nhịp điệu, võ thuật	22			34		
5	Điền kinh		24			36	
6	Cầu lông, bóng chuyền, bơi lội, bóng đá, đá cầu			26			36
7	Tự học				17	18	18
Tổng cộng		30	30	30	40	40	40

Dựa vào nội dung đào tạo thì tổng thời lượng đào tạo theo tín chỉ của chương trình K50 là 90 tiết (18 tiết lý thuyết và 72 tiết thực hành), đối với chương trình K55 đã có đổi mới giảm nội dung lý thuyết xuống còn 14 tiết, tăng thời lượng thực hành lên thành 106 tiết đồng thời thêm nội dung hướng dẫn tự học cho SV (phần lý thuyết 32 tiết tự học và phần thực hành là 53 tiết).

3.1.2. Phương pháp tổ chức giờ học GDTC

Thông qua thực tiễn giảng dạy và đánh giá tài liệu chuyên môn, chúng tôi đã tổng hợp được 9 phương pháp được dùng để dạy học và tổ chức lên lớp cho SV Trường ĐHSP-ĐHTN, bao gồm: 1. Thuyết trình, giảng giải; 2. Trực quan trực tiếp; 3. Trực quan gián tiếp; 4. Luyện tập phân chia; 5. Luyện tập hoàn chỉnh; 6. Luyện tập vòng tròn; 7. Luyện tập gián cách; 8. Trò chơi; 9. Thi đấu. Để đánh giá và so sánh về tần suất sử dụng các phương pháp giảng dạy, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 300 GV và SV hai Khóa K50 và K55; kết quả được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Phương pháp dạy học của hai Khóa K50 và K55 Trường ĐHSP-ĐHTN

Khóa	Mức độ	Đối tượng	Phương pháp giảng dạy (%)								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
K50	Rất nhiều	GV	25	20	15	20	20	5	10	10	15
		SV	36	38	6	16	8	4	8	12	4
	Nhiều	GV	20	20	15	20	25	10	10	20	20
		SV	8	10	10	21	27	8	13	17	17
	Ít	GV	5	10	10	5	5	30	25	10	10
		SV	7	3	19	10	6	17	17	8	15
	Rất ít	GV	0	0	10	5	0	5	5	10	5
		SV	0	0	16	4	10	22	13	14	16
K55	Rất nhiều	GV	15	10	8	27	30	15	22	18	20
		SV	25	22	10	20	31	19	25	16	8
	Nhiều	GV	18	19	23	19	19	15	19	22	15
		SV	15	22	28	18	15	11	20	25	23
	Ít	GV	10	10	10	8	1	12	7	10	9
		SV	17	8	14	6	4	14	3	6	10
	Rất ít	GV	0	4	6	2	0	6	3	2	9
		SV	0	5	1	0	0	8	1	1	6

Kết quả cho thấy, đối với K50 các phương pháp thuyết trình, giảng giải, phương pháp trực quan thị phạm động tác trực tiếp, gián tiếp được sử dụng nhiều hơn K55. Các phương pháp tập luyện

phân chia và hoàn chỉnh, luyện tập vòng tròn, luyện tập giãn cách, trò chơi và thi đấu lại được sử dụng nhiều hơn ở K55. Như vậy, cách thay đổi bài giảng và phương pháp giảng dạy đã thay đổi phương pháp dạy học từ ghi nhớ thụ động, rập khuôn cứng nhắc, có tính thụ động chờ đợi chỉ dẫn,... đã chuyển sang phương pháp học giúp cho người học hình thành được tư duy sáng tạo.

3.1.3. Kiểm tra đánh giá thể lực của SV Trường ĐHSP-ĐHTN

Chúng tôi tiến hành đánh giá thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT để kiểm tra thể lực của 500 SV K50 và K55 Trường ĐHSP-ĐHTN (tỷ lệ 2 nữ 1 nam) sau 1 năm tập luyện tại trường. Kết quả kiểm tra trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả kiểm tra thực trạng thể lực SV Trường ĐHSP-ĐHTN (N=500)

Các chỉ tiêu	Đơn vị	K50		K55		SEM	P
		$\bar{X} \pm m\bar{x}$	Cv%	$\bar{X} \pm m\bar{x}$	Cv%		
Kết quả kiểm tra trình độ thể lực đối với nam SV							
Chạy 30m xuất phát cao (giây)	giây	4,59 ± 0,02	2,54	4,55 ± 0,03	2,33	0,058	0,194
Bật xa tại chỗ (cm)	cm	216,4 ± 0,38	1,64	217,0 ± 0,53	2,67	1,023	0,340
Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	Lần	19,2 ± 0,73	2,39	19,7 ± 0,58	3,67	1,204	0,652
Chạy tùy sức 5 phút (m)	m	971 ± 2,18	3,01	976 ± 1,36	2,93	4,894	0,349
Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	giây	12,42 ± 0,18	3,57	12,37 ± 0,22	3,38	0,019	0,219
Kết quả kiểm tra trình độ thể lực đối với nữ SV							
Chạy 30m xuất phát cao (giây)	giây	6,43 ± 0,05	6,60	6,34 ± 0,04	5,71	0,015	0,130
Bật xa tại chỗ	cm	163,0 ± 0,25	5,15	162,7 ± 0,31	6,34	0,970	0,310
Nằm ngửa gập bụng 30s	Lần	14,8 ± 0,37	2,36	14,6 ± 0,24	2,32	0,775	0,470
Chạy tùy sức 5 phút	m	800± 1,28	3,95	806 ± 1,52	4,88	2,434	0,230
Chạy con thoi 4 x 10m	giây	12,18 ± 0,24	2,90	12,27 ± 0,27	4,67	0,023	0,318

Kết quả Bảng 3 cho thấy, cả 5 bài kiểm tra đảm bảo độ tin cậy để đánh giá thể lực cho SV Trường ĐHSP-ĐHTN. Kết quả tính toán các bài kiểm tra thể lực cả 5 chỉ tiêu ở SV nam và SV nữ có hệ số biến thiên Cv% < 10, chứng tỏ thể lực của SV nam và SV nữ Trường ĐHSP-ĐHTN có sự đồng đều ở mức trung bình.

So sánh giữa hai Khóa K50 và K55 cho thấy, đổi mới chương trình học nhằm giảm giờ dạy lý thuyết, tăng giờ dạy thực hành và bài tập giúp GV có nhiều thời gian để điều chỉnh phương pháp dạy đã giúp SV K55 có thành tích cao hơn so với K50 ở cả 5 nội dung đánh giá. Tuy nhiên kết quả so sánh thống kê không có sai khác rõ rệt ($p < 0,05$).

3.1.4. Một số đặc điểm nhận thức của SV Trường ĐHSP-ĐHTN

Nhằm mục đích tìm hiểu về một số đặc điểm của SV với GDTC, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 300 SV của hai Khóa K50 và K55. Kết quả trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Một số đặc điểm nhận thức của SV hai khóa K50 và K55 về hoạt động GDTC tại Nhà trường

Nội dung khảo sát	K50		K55	
	Đồng ý	Tỷ lệ %	Đồng ý	Tỷ lệ %
1. Vai trò của GDTC đối với SV				
Rất cần thiết	66	44,0	70	46,7
Cần thiết	73	48,7	75	50,0
Không cần thiết	11	7,3	5	3,3
2. Mức độ hài lòng đối với các học phần GDTC của trường				
Rất hài lòng	80	53,3	83	55,3
Hài lòng	58	38,7	61	40,7
Không hài lòng	12	8,0	6	4,0
3. Tập luyện thêm GDTC ngoài giờ lên lớp				
Tập thường xuyên	51	34,0	20	13,3
Thỉnh thoảng	72	48,0	100	66,7
Không có	27	18,0	30	20,0

Nội dung khảo sát	K50		K55	
	Đồng ý	Tỉ lệ %	Đồng ý	Tỉ lệ %
4. Môn thể thao tự chọn mà SV yêu thích học nhất trong chương trình GDTC				
Điền kinh	10	6,7	12	8,0
Võ thuật	25	16,7	30	20,0
Bóng chuyền	25	16,7	20	13,3
Cầu lông	17	11,3	19	12,7
Bơi lội	21	14,0	18	12,0
Bóng đá	15	10,0	19	12,7
Đá cầu	13	8,7	12	8,0
Thể dục nhịp điệu	24	16,0	20	13,3
5. Các yếu tố làm hạn chế SV tập luyện thêm ngoài giờ lên lớp				
Thiếu cơ sở vật chất và dụng cụ tập luyện	51	34,0	20	13,3
Không có thời gian	60	40,0	80	53,3
Ở trọ xa địa điểm tập luyện	27	18,0	31	20,7
Không thích tập luyện	12	8,0	19	12,7

Kết quả cho thấy đa số ý kiến SV cả hai khóa đều cho rằng các học phần GDTC có vai trò rất cần thiết (>40%) và cần thiết (>45%), nhưng vẫn còn những hạn chế, chưa hiểu rõ tầm quan trọng và lợi ích trong việc rèn luyện sức khỏe của SV khi có 3-7% SV cho là không cần thiết.

Mức độ hài lòng của SV về chương trình GDTC của K50 là 8,0% đến K55 giảm còn 4,0%. Như vậy, vẫn cần nghiên cứu cải tiến chương trình phù hợp với nhu cầu và sở thích của SV.

Môn thể thao tự chọn mà SV yêu thích học nhất trong chương trình GDTC đã có nhiều thay đổi do phụ thuộc vào sở thích của mỗi đối tượng SV, điều này dẫn đến một số môn tự chọn còn chưa thể hiện được.

Đối với các yếu tố làm hạn chế SV luyện tập thêm ngoài giờ lên lớp ở K50 còn thiếu tích cực nhưng đến K55 đã được cải thiện do Nhà trường đã đầu tư thêm cơ sở vật chất đồng thời tạo điều kiện cho SV luyện tập thêm ngoài giờ lên lớp. Một phần do học theo tín chỉ đòi hỏi khả năng tự học của SV rất cao để đảm bảo đủ điều kiện hoàn thành các học phần.

3.1.5. Đội ngũ giảng viên

Tính đến năm học 2014-2015, GV Khoa TDTT có 16 GV cơ hữu, trong đó có 13% GV có trình độ tiến sĩ, 63% có trình độ thạc sĩ và 25% có trình độ đại học, có 6 GV đang học cao học, nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài. Nhằm đáp ứng được sự thay đổi thường xuyên của chương trình đào tạo, Khoa TDTT đã thường xuyên tổ chức nhiều đợt tập huấn nâng cao năng lực cho GV, đồng thời khuyến khích GV học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tính đến năm 2020-2021, số lượng GV cơ hữu của Khoa TDTT là 18 GV, trong đó trình độ tiến sĩ trên 22%, trình độ thạc sĩ trên 77% và hiện có 5 GV đang học cao học, nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài. So với xu thế ngày càng phát triển của Nhà trường hiện nay, có thể thấy rằng lực lượng GV Khoa TDTT tại Trường ĐHSP-ĐHTN đã đáp ứng so với quy định của Bộ GD&ĐT (150 SV/GV).

3.1.6. Thực trạng cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo học tập

Cơ sở vật chất là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng giảng dạy trong các học phần GDTC, đây là yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến hiệu quả, chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất đầy đủ đúng tiêu chuẩn sẽ tạo điều kiện tốt cho GV phát huy hết năng lực chuyên môn của mình trong quá trình lên lớp đồng thời cũng giúp SV có điều kiện học tập tốt nhất. Sau khi tiến hành thống kê cơ sở vật chất, điều kiện sân bãi của hai khóa K50 và K55, chúng tôi đưa ra kết quả tại bảng 5.

Trong những năm vừa qua, Nhà trường luôn quan tâm và trang bị cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị - dụng cụ học tập GDTC cho GV và SV sử dụng. Đối với K50 về dụng cụ và trang thiết bị trong nội dung học tập theo những phản hồi của GV và SV thì tạm thời là đủ. Tuy nhiên, nhiều dụng cụ còn cũ nên chất lượng học tập chưa cao. Đối với điều kiện sân bãi K50 chỉ có 2 nhà thi đấu cấp 4 nên khi thời tiết nắng nóng hoặc mưa nhiều ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện học tập và

giảng dạy. Đối với K55 việc đầu tư dụng cụ và trang thiết bị được quan tâm nhiều hơn, theo kết quả phản hồi của người học về dụng cụ và trang thiết bị thì cơ bản đáp đã đáp ứng yêu cầu trong các môn học, đặc biệt điều kiện học tập của K55 hơn hẳn so với K50 do Nhà trường được đầu tư xây dựng nhà thi đấu đa năng kèm theo nhiều phòng học giúp sinh viên có thể luyện tập trong nhà khi gặp điều kiện bất lợi. Nhìn chung cơ sở vật chất của Trường ĐHSP-ĐHTN đã tương đối đáp ứng được công tác giảng dạy chương trình GDTC cho đối tượng là SV chuyên ngành TDTT và cũng như đáp ứng được hoạt động giảng dạy GDTC cho đối tượng SV không chuyên của Nhà trường.

Bảng 5. Điều kiện sân bãi phục vụ giảng dạy và tập luyện TDTT của Trường ĐHSP-ĐHTN

TT	K50			K55		
	Sân bãi, dụng cụ	Số lượng	Vật liệu	Sân bãi, dụng cụ	Số lượng	Vật liệu
1	Sân bóng đá 100x60m	01	Sân đất	Sân bóng đá 100x60m	01	Sân đất
2	Sân bóng đá mini	01	Sân bê tông	Sân bóng đá mini	01	Sân bê tông
3	Nhà thi đấu cấp 4	02	Gạch lát	Nhà thi đấu cấp 4	01	Gạch lát
4	Sân cầu lông	02	Gạch lát	Sân cầu lông	04	Gạch lát
5	Sân đá cầu	04	Gạch lát	Sân đá cầu	04	Gạch lát
6	Sân bóng rổ	02	Sân bê tông	Sân bóng rổ	03	Sân bê tông
7	Bể bơi 25x50m	01	Bể lát gạch	Bể bơi 25x50m	01	Bể lát gạch
8	Sân thể dục dụng cụ	02	Sân đất	Sân thể dục dụng cụ	02	Sân đất
9	Sân tennis	02	Sân xi măng	Sân tennis	02	Sân xi măng
10	Sân bóng chuyên	04	Sân bê tông	Sân bóng chuyên	06	Sân bê tông
				Nhà thi đấu đa năng	01	dải thảm

3.2. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần GDTC tại Trường ĐHSP-ĐHTN

Để đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần GDTC tại Trường ĐHSP-ĐHTN, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các đề xuất đối với 17 GV Khoa TDTT và 300 SV hai khóa K55 và K50 khối không chuyên trong Nhà trường từ đó tổng hợp nội dung ý kiến đóng góp và đưa ra 7 biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần GDTC. Kết quả đề xuất được thể hiện trong bảng 6:

Bảng 6. Tổng hợp các đề xuất của GV và SV trường ĐHSP-ĐHTN

STT	Giải pháp đề xuất	Cán bộ		K50		K55	
		Số đề xuất	Tỷ lệ (%)	Số đề xuất	Tỷ lệ (%)	Số đề xuất	Tỷ lệ (%)
1	Tuyên truyền, giáo dục về vai trò và ý nghĩa của GDTC	14	82,4	64	42,7	12	8,0
2	Xây dựng nội dung của chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn của Nhà trường	12	70,6	51	34,0	33	22,0
3	Xây dựng và phát triển hệ thống các bài tập bổ trợ đưa vào chương trình phát triển thể lực	11	64,7	56	37,3	100	66,7
4	Tăng cường các hoạt động TDTT ngoài giờ học	5	29,4	24	16,0	13	8,7
5	Đầu tư trang bị, bổ sung, nâng cấp, sửa chữa và cải tạo cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ	7	41,2	29	19,3	45	30,0
6	Đổi mới phương pháp giảng dạy góp phần nâng cao tính tích cực của SV	5	29,4	59	39,3	11	7,3
7	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ và kịp thời bổ sung đội ngũ GV	16	94,1	3	2,0	1	0,7

3.2.1. Tuyên truyền, giáo dục về vai trò và ý nghĩa của GDTC

- **Mục đích:** Tuyên truyền, giáo dục cho SV, GV hiểu rõ hơn nữa về vai trò của GDTC, rèn luyện thân thể, tăng cường các hoạt động TDTT trong Nhà trường.

- **Nội dung thực hiện:**

+ GV bộ môn phải có nhiệm vụ thông qua bài giảng, liên hệ với thực tế giúp SV hiểu được vai trò, ý nghĩa, tác dụng và lợi ích của TDTT.

+ Phối hợp với các phòng ban chức năng, Phòng Đào tạo và Phòng Công tác – Học sinh sinh viên, Đoàn thanh niên,... quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác GDTC.

- + Tổ chức cuộc thi, hội thảo, tọa đàm tìm hiểu về TDDT.
- *Tổ chức thực hiện:*
- + Thực hiện tuyên truyền thông qua giờ học chính khóa, ngoại khóa, các buổi sinh hoạt, các bảng tin thể thao, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, các cuộc hội thảo và thi tìm hiểu về TDDT,...
- + Khoa TDDT tiếp tục xây dựng kế hoạch năm tiếp theo trình Ban Giám hiệu để dự kiến các hoạt động chuyên môn trong đó có các hoạt động phong trào TDDT cho SV.

3.2.2. Xây dựng nội dung của chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn của Nhà trường

- *Mục đích:* Xây dựng chương trình mới theo hướng tự chọn có các nội dung về: Mục tiêu, kiến thức, kĩ năng phù hợp với đặc điểm tâm lí, sinh lí và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

- *Nội dung thực hiện:*

+ Tiếp tục rà soát và điều chỉnh, cải tiến nội dung chương trình GDTC. Trong quá trình xây dựng cải tiến chương trình cần chú ý đến nội dung có “kĩ năng cứng”, “kĩ năng mềm”, có mục tiêu rõ ràng, quy định về nhiệm vụ của SV và thái độ học tập của SV. Chương trình xây dựng phải thể hiện tính linh hoạt, mềm dẻo nhằm tạo cơ hội kích thích cho SV ham thích tập luyện TDDT và hiểu được ý nghĩa của việc rèn luyện thân thể để từ đó có ý thức tự giác học tập và tích cực tham gia vào hoạt động, phong trào TDDT trong Nhà trường.

+ Tiếp tục xây dựng và điều chỉnh thêm một số môn học tự chọn mới tăng tính hấp dẫn, tạo hứng thú học tập, tập luyện cho SV, đặc biệt phải gắn với nghề nghiệp của SV. Đưa nội dung tiêu chuẩn rèn luyện thân thể vào giờ học và nội dung kiểm tra đánh giá môn học.

+ Tập huấn và đổi mới phương pháp dạy học của cán bộ GV theo hướng tích cực hóa người học bằng cách: Giảm giảng giải lí thuyết, tận dụng tối đa thời gian cho SV tập luyện, tăng cường sử dụng phương pháp trò chơi và thi đấu, tạo tình huống để SV tham gia hoạt động tích cực, chú ý đến việc phát triển thể lực, khi kiểm tra đánh giá SV phải đặt trong tình trạng thi đấu.

- *Tổ chức thực hiện:*

+ Phân công GV có trình độ vào tổ xây dựng và điều chỉnh chương trình.

+ Tổ chức nghiệm thu chương trình thông qua các tổ chuyên ngành và sau đó thông qua Hội đồng khoa học của Khoa.

3.2.3. Xây dựng và phát triển hệ thống các bài tập bổ trợ đưa vào chương trình phát triển thể lực

- *Mục đích:* Ngoài việc tập luyện các môn học tự chọn, SV còn được rèn luyện thêm các bài tập bổ trợ nhằm góp phần phát triển thể chất toàn diện của SV.

- *Nội dung thực hiện:*

+ Tiến hành xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ và sân bãi tập luyện, đồng thời phải phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi SV.

+ Tiến hành xây dựng các bài tập bổ trợ sao cho phù hợp với phát triển toàn diện tương ứng với 5 bài kiểm tra thể lực theo Quyết định số 53/2008/QĐBGĐĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT.

- *Tổ chức thực hiện:*

+ Đối với mỗi giờ học GDTC, GV tiến hành tổ chức tập luyện các bài tập bổ trợ thể lực, thường các bài tập sức nhanh và sức bền là vào cuối buổi trước khi thả lỏng hồi phục, nhận xét, đánh giá và giao nhiệm vụ về nhà. Các bài tập còn lại tùy thuộc vào tính chất bài tập mà có thể tập luyện song song với nội dung bài tập trên lớp.

+ Tiến hành giao bài tập và hướng dẫn SV tập tại nhà và đánh giá kiểm tra đầu giờ học nhằm nâng cao tính tự giác của SV.

3.2.4. Tăng cường các hoạt động TDDT ngoài giờ học

- *Mục đích:* Phát huy tính tự giác tích cực trong tập luyện, góp phần giáo dục ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần tập thể, tăng cường mối quan hệ và giao tiếp.

- *Nội dung thực hiện:*

+ Xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu các môn thể thao trong và ngoài trường.

- + Xây dựng các câu lạc bộ TDTT.

- + Thành lập đội tuyển thể thao của các lớp và của Nhà trường.

- *Tổ chức thực hiện:* Để thúc đẩy phong trào tập luyện của SV, Khoa TDTT và Nhà trường cần phối hợp tổ chức các giải thi đấu như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, đá cầu, điền kinh, chạy đều, bơi lội, khiêu vũ, dân vũ, aerobic cho SV trong toàn trường, huy động được 100% số lớp tham gia. Thành lập được đội tuyển các môn trên thi đấu với một số trường trên địa bàn và đã tham gia thi đấu các giải thể thao do ngành tổ chức.

3.2.5. Đầu tư trang bị, bổ sung, nâng cấp, sửa chữa và cải tạo cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ

- *Mục đích:* Nâng cao số lượng, chất lượng trang thiết bị đồng thời xây mới và sửa chữa sân tập, phòng tập, nhà thi đấu dùng cho giảng dạy, tập luyện và tổ chức các hoạt động TDTT.

- *Nội dung thực hiện:*

- + Đề xuất với Nhà trường các nội dung cần xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất để phục vụ tốt cho việc dạy và học môn GDTC.

- + Tiến hành họp và lên kế hoạch mua sắm thêm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy và tập luyện đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, tránh lãng phí.

- + Tận dụng tối đa định mức kinh phí của Nhà trường và các dự án giáo dục.

- *Tổ chức thực hiện:*

- + Khoa TDTT tiến hành họp bàn và lên kế hoạch kiểm tra đánh giá cơ sở vật chất vào tháng 10 hàng năm từ đó đưa ra đề xuất xây mới, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trình Nhà trường.

- + Tiến hành tổ chức các hoạt động phong trào TDTT bằng nguồn kinh phí thường xuyên do Nhà trường hỗ trợ với tinh thần tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.6. Đổi mới phương pháp giảng dạy góp phần nâng cao tính tích cực của SV

- *Mục đích:* Nhằm đổi mới phương pháp dạy học GDTC, tăng cường tính tích cực chủ động của SV, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện lối tư duy sáng tạo của SV, giao nhiệm vụ SV tự nghiên cứu và tập luyện. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và hình thức hiện đại vào quá trình tổ chức giảng dạy và tập luyện TDTT một cách có khoa học.

- *Nội dung thực hiện:*

- + Cần tiến hành phân loại tình trạng thể chất của SV ngay từ đầu vào để có nội dung chương trình và hình thức tổ chức học tập thích hợp đối với từng đối tượng.

- + Tích cực sử dụng các phương pháp tập luyện như: Phương pháp tập luyện vòng tròn, tập luyện giãn cách, tập luyện đồng đều nhằm nâng cao mật độ vận động giờ học chính khóa.

- + Đối với phương pháp trực quan ngoài những hình ảnh thị phạm động tác của GV hay tranh vẽ về kỹ thuật động tác cần đưa phương tiện hiện đại vào sử dụng như các băng đĩa về phương pháp tập luyện hay thi đấu TDTT các giải trong nước. Qua đó, giúp SV dễ tiếp thu và thực hiện tốt được kỹ thuật động tác hơn trong quá trình tập luyện.

- + Trong quá trình vận dụng các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức lên lớp cần có sự phối hợp, điều chỉnh cho thích hợp với từng nội dung bài học, cần quan tâm sử dụng dụng cụ tập luyện sẽ có tác động trực tiếp lên giác quan của người học những động tác kỹ thuật mới.

- *Tổ chức thực hiện:*

- + Đầu năm học, Khoa TDTT cần lên kế hoạch tập huấn chuyên môn cho tất cả các GV tham gia giảng dạy, nhằm thống nhất nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy.

- + Trong các buổi họp giao ban khoa và bộ môn cần có sự phân công công việc chuyên môn rõ ràng và đánh giá đề xuất các biện pháp, phương pháp giảng dạy,...

- + Triển khai từ các Tổ chuyên ngành để thực hiện các nội dung chuyên môn.

3.2.7. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ và kịp thời bổ sung đội ngũ giảng viên

- *Mục đích:* Để đáp ứng đủ nhu cầu thực tế giảng dạy thì đội ngũ GV TDTT của Nhà trường hiện nay cần phải được nâng lên về số lượng và trình độ chuyên môn.

- *Nội dung thực hiện:* Bộ môn đã tiến hành quy hoạch theo đề án định biên cán bộ GV từ 2020 đến 2025, từ đó đề xuất tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung đội ngũ GV.

- *Tổ chức thực hiện:*

- + Đề xuất Ban Giám hiệu cử cán bộ GV TDDT đi học bồi dưỡng sau đại học.
- + Cần thực hiện huy động tối đa tiềm năng của đội ngũ GV hiện có và từng bước phát triển đội ngũ GV mới đủ về số lượng và chất lượng, theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đề xuất xin tuyển dụng thêm GV thể dục có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên ở một số môn thể thao chưa có GV chuyên sâu nhưng có trong chương trình bắt buộc hay tự chọn, ngoại khóa.
- + Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ GV, tăng cường năng lực tự nghiên cứu để phục vụ giảng dạy TDDT và tổ chức rèn luyện TDDT cho SV được tốt hơn.
- + Có chính sách thu hút, tuyển dụng những SV tốt nghiệp từ các trường chuyên đào tạo về TDDT có kết quả học tập đạt kết quả cao, và năng lực về TDDT nổi trội vào trường để tham gia giảng dạy GDTC và quản lý các hoạt động phong trào TDDT trong Nhà trường.

4. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá chất lượng chương trình giảng dạy các học phần GDTC cho SV khối không chuyên tại Trường ĐHSPT-ĐHTN chúng tôi nhận thấy việc điều chỉnh chương trình đào tạo giúp cho người học hình thành được tư duy sáng tạo hơn. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của SV về chương trình GDTC đã tăng cao đồng thời ý thức tự học của SV cũng được cải thiện. Thông qua đó việc đánh giá thể lực của SV K55 đã có thành tích cao hơn so với K50 ở cả 5 nội dung đánh giá nhưng không có sai khác rõ rệt ($p < 0,05$). Ngoài ra đội ngũ GV trong nhà trường cũng được nâng cao về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đồng thời cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo học tập môn GDTC trong nhà trường cũng đáp ứng tiêu chuẩn chương trình giảng dạy mới. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu, chất lượng giảng dạy GDTC tại Trường ĐHSPT-ĐHTN hiện nay còn chưa cao do nhiều yếu tố tác động từ sự thay đổi chương trình đào tạo, thể lực và ý thức của SV, trình độ của giảng viên và cơ sở vật chất trong nhà trường.... Để nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC, chúng tôi đã đề xuất 7 biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn GDTC và để đạt được mục tiêu thì các biện pháp cần phải được tiến hành đồng bộ và song song cùng lúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/REFERENCES

- [1] T. K. T. Tran, "Morphological and Physical Characters of First-Year Students (School Year 2016 - 2017) in Namdinh University of Nursing," (in Vietnamese), *Journal of Military Pharmacology - medicine*, Number of morphological topics, pp. 27-34, 2017.
- [2] V. D. Pham, "Some solutions to improve the quality of physical education in high schools in the North Central region," (in Vietnamese), *Journal of Education*, Special number of May, pp. 89-91, 2017.
- [3] T. H. Bui, "The general physical condition of female students of the first-year Kindergarten pedagogy faculty of Hong Duc University," (in Vietnamese), *Journal of Education*, Special number of June, pp. 232-234, 2018.
- [4] Q. T. Tu, M. D. Ngo, and P. H. Hoang, "Assessment of physical strength of students of faculty of physical education- Thai Nguyen University of Education," (in Vietnamese), *Proceedings of the 8th National Conference of Young Officers of National Pedagogical Universities*, 2020, pp. 738-745.
- [5] T. T. Nguyen, V. C. Nguyen, and T. D. Pham, "The status of fitness of small specialist students science of physical education Hue University," (in Vietnamese), *Hue University Journal of Science*, vol. 126, no. 6B, pp. 123-132, 2017.
- [6] V. H. Nguyen, "Physical status of students at Can Tho University," (in Vietnamese), *Journal Science of Sports Training and Coaching, Bac Ninh University of Sport*, special issue, pp. 356-359, 2016.
- [7] V. T. Dong and A. T. Le, *Theory and methods of physical education in schools*. Sports Publishing House (in Vietnamese), 2000.
- [8] K. L. Pham, *Some measures to improve the quality of physical education work at Banking Academy - City Branch Ho Chi Minh*. Collection of scientific research on physical and health education in schools at all levels (III), Sports Publishing House (in Vietnamese), 2001.

-
- [9] T. P. T. Nguyen, "A number of measures to improve the quality of teaching Physical Education at Trade Union University," (in Vietnamese), *Journal of Education*, september special issue, pp. 196-201, 2018.
- [10] V. D. Nguyen and N. A. Dao, "Physical status of non-specialized students at Thai Nguyen University of Education," (in Vietnamese), *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 183, no. 7, pp. 85-89, 2018.
- [11] N. H. Nguyen and T. T. Nguyen, "Assessment of physical condition of students at Thai Nguyen university," (in Vietnamese), *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 179, no. 3, pp. 127-131, 2018.
- [12] V. D. Nguyen and V. H. Le, "Some measures to help students select optional subjects in the physical education (pe) programs for students not specializing in pe at university of education – Thai Nguyen university," (in Vietnamese), *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 167, no. 7, pp. 125-130, 2017.
- [13] V. D. Nguyen and M. K. Tran, "Reality and proposed solutions to increase preschool education students' interest in physical education lessons at the university of education – Thai Nguyen university," (in Vietnamese), *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 8, pp. 371-377, 2021.